TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2020.
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Mừng.**

2. Ông **Tôn Phước Thuận.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Ngô Thị Lắm**, Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 888/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 599/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp A, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh P, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (có ý kiến xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh P do quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sống chung hạnh P1c đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính

tình không hợp nhau, hay cự cãi và không còn sống chung cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 19/10/2013; Lê Thanh P1, sinh ngày 18/8/2016. Hiện 02 cháu đang sống chung với anh P, khi ly hôn chị đồng ý để anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nuôi 02 con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim S xác định không có.

Bị đơn anh Lê Thanh P trình bày: Anh cũng thống nhất lời trình bày của chị S về thời gian kết hôn, sống chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị S ly hôn anh đồng ý. Anh bận công việc gia đình, yêu cầu được vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 19/10/2013; Lê Thanh P1, sinh ngày 18/8/2016. Hiện 02 cháu đang sống chung với anh P, khi ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Thanh P xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Kim S khởi kiện anh Lê Thanh P cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Thanh P có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị S và anh P sống chung với nhau vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử không công nhận chị S và anh P là vợ chồng.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 19/10/2013; Lê Thanh P1, sinh ngày 18/8/2016. Hiện 02 cháu đang sống chung với anh P, khi ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh P không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị S, anh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Chị S, anh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị S, anh P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị S và anh P trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 53, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim S và anh Lê Thanh P là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 19/10/2013; Lê Thanh P1, sinh ngày 18/8/2016. Hiện 02 cháu sống chung với anh P, khi ly hôn anh P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim S, anh Lê Thanh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim S, anh Lê Thanh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tiền số 0007674 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Thị Kim S không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.